

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

MAI THỊ THANH VÂN

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Nhận bài ngày 17/01/2026. Sửa chữa xong 23/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

In the context of digital transformation, which is exerting a profound influence on all areas of education, the application of digital technology in the training of future teachers has become an essential requirement for improving the quality of pedagogical human resources. This article focuses on analyzing the current situation and proposing solutions for the application of digital technology in developing soft skills for teacher education students at Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism. The survey results indicate that most students demonstrate a fairly good level of development in skills such as communication, self-awareness, and presentation. However, limitations remain in critical thinking, emotional management, and activity organization skills.

Keywords: Digital technology, skill development, soft skills, teacher education students.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, giáo dục đại học đang đứng trước yêu cầu đổi mới toàn diện nhằm đáp ứng sự phát triển của xã hội tri thức và nền kinh tế số. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về *Chiến lược chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới giáo dục và đào tạo...”*, “Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số”. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các trường đại học nói chung và các trường có đào tạo sư phạm cần phải phát triển năng lực số cho sinh viên (SV), kết hợp với việc phát triển hệ thống kỹ năng mềm giúp cho SV vận dụng công nghệ số một cách hiệu quả trong môi trường giáo dục đáp ứng được yêu cầu của của nghề nghiệp – những nhà giáo tương lai của thời đại số.

Môi trường làm việc hiện nay đòi hỏi con người ngày càng năng động, sáng tạo, công việc có tính cạnh tranh và áp lực cao. Kỹ năng mềm (KNM) đã trở thành một trong những tiêu chí quan trọng mà các đơn vị tuyển dụng sử dụng để đánh giá năng lực toàn diện của ứng viên, bên cạnh các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với SV sư phạm, KNM không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giao tiếp, hợp tác, xử lý tình huống sư phạm, mà còn là yếu tố cốt lõi trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp và đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo SV sư phạm của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa hướng tới mục tiêu đào tạo những cử nhân sư phạm có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra, đủ khả năng thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục trong thực tiễn. Để đạt được mục tiêu này, SV không chỉ đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp tích cực, mà còn phải phát triển và vận dụng thành thạo các KNM như: kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết phục, quản lý cảm xúc...thích ứng

Email:

nhánh với yêu cầu nghề nghiệp, sẵn sàng trở thành những giáo viên tương lai có năng lực số, năng lực sư phạm và KNM toàn diện.

Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ số trong phát triển KNM mở ra nhiều cơ hội mới giúp SV sư phạm rèn luyện các năng lực nghề nghiệp cần thiết một cách linh hoạt và sáng tạo hơn. Thông qua các nền tảng học tập số, lớp học trực tuyến, công cụ tương tác và trí tuệ nhân tạo (như *Google Workspace, Microsoft Teams, Padlet, Canva, ChatGPT...*), SV có thể nâng cao kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, tự học và sáng tạo trong môi trường học tập kết nối, hiện đại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Công nghệ số

Theo Luật số: 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, “*Công nghệ số là tập hợp các phương pháp khoa học, quy trình công nghệ, công cụ kỹ thuật để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu số và số hóa thế giới thực*”

Theo đó, công nghệ số (digital technology) là tập hợp các công nghệ sử dụng dữ liệu số và các ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông (ICT) để tạo ra giá trị mới trong các lĩnh vực đời sống. Trong giáo dục, công nghệ số bao gồm: hệ thống quản lý học tập (LMS), phần mềm mô phỏng, trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR/AR), các công cụ tạo học liệu số, và nền tảng học tập trực tuyến.

2.1.2. Kỹ năng mềm

Nhà nghiên cứu N.J. Patrick (2008) [4], *Social skills for teenagers and adults with esperger syndrome* cho rằng: KNM là tập hợp những năng lực, hành vi và thái độ giúp con người ứng xử, giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các mối quan hệ xã hội. Đây không phải là tri thức chuyên môn hay yếu tố bẩm sinh, mà là khả năng thích nghi, điều chỉnh hành vi và cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh và con người xung quanh.

Tác giả Huỳnh Văn Sơn (2012) [2], *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên sư phạm*, KNM là hệ thống những kỹ năng giúp SV không chỉ thể hiện khả năng tư duy logic, sáng tạo mà còn biết cách tương tác, giao tiếp và hợp tác hiệu quả với người khác trong học tập, công việc và cuộc sống. Đây là nhóm kỹ năng thiên về năng lực hành vi và ứng xử xã hội, hỗ trợ cá nhân thích ứng linh hoạt với các tình huống thực tế, giải quyết vấn đề, quản lý cảm xúc, làm việc nhóm và ra quyết định phù hợp.

Nguyễn Kim Cương (2018) [5], *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế* cho rằng KNM là tập hợp các năng lực cá nhân và xã hội có liên quan đến hành vi, thái độ, cảm xúc và giá trị, giúp con người giao tiếp, hợp tác, lãnh đạo, sáng tạo và thích nghi hiệu quả trong môi trường làm việc hiện đại. Việc rèn luyện KNM giúp SV chủ động hơn trong học tập, linh hoạt trong xử lý tình huống, tự tin hội nhập môi trường lao động quốc tế và tham gia tích cực vào xã hội số.

Như vậy, KNM của SV sư phạm là tổng hợp các năng lực cá nhân, xã hội và nghề nghiệp giúp SV thể hiện tư duy sáng tạo, khả năng giao tiếp, hợp tác, thích ứng, quản lý cảm xúc và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong học tập, thực hành sư phạm và môi trường nghề nghiệp tương lai.

2.2. Vai trò của công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên sư phạm

Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay, công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ dạy và học, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển KNM cho SV sư phạm – những người sẽ trực tiếp tham gia vào quá trình đổi mới giáo dục trong tương lai. Công nghệ số mở ra môi trường học tập linh hoạt và đa chiều, giúp SV chủ động tương tác, hợp tác và trao đổi thông tin thông qua các nền tảng trực tuyến. Các công cụ như Google Workspace, Microsoft Teams, Zoom hay Moodle tạo điều kiện để người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và thuyết trình trong không gian ảo – vốn đang trở thành xu thế tất yếu trong dạy học hiện đại. Bên cạnh đó, việc tiếp cận và xử lý lượng lớn dữ liệu số buộc SV phải nâng cao kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin. Sinh viên học cách phân tích, đánh giá độ tin cậy của nguồn tư liệu, qua đó phát triển khả năng ra quyết định và

giải quyết vấn đề một cách khoa học.

Công nghệ số cũng là phương tiện hữu hiệu để SV rèn luyện kỹ năng tự học và quản lý cảm xúc. Các nền tảng học trực tuyến giúp họ chủ động sắp xếp thời gian, kế hoạch học tập, đồng thời hình thành tính kỷ luật và khả năng thích ứng với môi trường học tập mới – yếu tố quan trọng trong nghề sư phạm. Qua việc sử dụng các ứng dụng sáng tạo như Canva, Padlet, Kahoot hoặc các phần mềm mô phỏng lớp học ảo, SV có cơ hội phát triển kỹ năng tổ chức hoạt động, kỹ năng thuyết phục và trình bày ý tưởng. Điều này góp phần giúp họ trở nên linh hoạt, sáng tạo hơn trong thiết kế và triển khai bài giảng sau này.

Vì vậy, công nghệ số không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là môi trường học tập mở, thúc đẩy sự phát triển toàn diện các KNM của SV sư phạm. Việc khai thác hiệu quả công nghệ số sẽ giúp SV không chỉ thích ứng với thời đại 4.0 mà còn trở thành giáo viên năng động, sáng tạo và có năng lực số vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2.3. Thực trạng ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên sư phạm Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Để đánh giá thực trạng việc ứng dụng công nghệ số trong phát triển KNM của SV sư phạm, bài viết được tiến hành khảo sát với 38 giảng viên và 210 SV chính quy tại các khoa Giáo dục mầm non và Tiểu học, Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học

Phương pháp nghiên cứu: được sử dụng kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp khác nhau như: phương pháp nghiên cứu lý luận, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, thống kê toán học.

2.3.1. Nhận thức của giảng viên và sinh viên về mức độ cần thiết ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên sư phạm

Từ kết quả khảo sát cho thấy: Có 87,5% ý kiến của giảng viên (GV) và 85,5% SV cho rằng việc ứng dụng công nghệ số trong phát triển KNM cho SV sư phạm là rất cần thiết. Không có GV và SV nào cho rằng hoạt động này “ít cần thiết” hoặc “không cần thiết”. Như vậy, đa số đều nhìn nhận tích cực và đánh giá cao vai trò của công nghệ số trong việc hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển KNM cho SV sư phạm. Kết quả này là cơ sở quan trọng để tiến hành nghiên cứu sâu hơn về thực trạng sử dụng công nghệ số trong giảng dạy và học tập kỹ năng mềm, nhằm đánh giá mức độ vận dụng thực tế, hiệu quả và những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai tại các cơ sở đào tạo giáo viên.

2.3.2. Thực trạng mức độ sử dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên

Có nhiều nhiều quan điểm và cách xác định khác nhau về các KNM cần thiết cho SV sư phạm. Trong bài viết này, đã lựa chọn và đưa ra mười KNM được xác định dựa trên chuẩn đầu ra của SV sư phạm, khung năng lực nghề nghiệp giáo viên (Bộ Giáo dục và Đào tạo 2018)[1] và các nghiên cứu của các tác giả như Huỳnh Văn Sơn (2012) [5], Trần Quốc Thành (2021) [7] *Giao tiếp sư phạm*. UNESCO (2022). *ICT Competency Framework for Teachers (Khung năng lực công nghệ thông tin và truyền thông dành cho giáo viên)*.

Bảng 1: Mức độ sử dụng CNS để phát triển KNM của sinh viên

Mức độ sử dụng CNS để phát triển KNM của sinh viên	Rất thường xuyên %	Thường xuyên %	Thỉnh thoảng %	Hiếm khi %
1. KN nhận thức - Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (Google Classroom, Zoom, LMS, MS Teams...) để chủ động tiếp cận kiến thức mới. - Ứng dụng phần mềm hỗ trợ ghi chú, tư duy (Mindmap, Notion, Quizlet...) để hệ thống hóa kiến thức và tư duy logic.	25,7	41,9	24,3	8,1
2. Kỹ năng giao tiếp - Tham gia trao đổi, thảo luận trên mạng xã hội, diễn đàn học tập, nhóm Zalo, Facebook, hoặc Google Meet. - Rèn luyện giao tiếp qua email, tin nhắn, và phản hồi chuyên nghiệp trong môi trường số.	31,0	38,6	22,9	7,5

3. Kỹ năng thuyết trình - Sử dụng công cụ trình chiếu và thiết kế số (PowerPoint, Canva, Prezi, Genially...) để xây dựng bài thuyết trình hấp dẫn. - Ghi hình, biên tập video thuyết trình bằng phần mềm (CapCut, OBS, Zoom Record...) để tự đánh giá và cải thiện kỹ năng nói.	28,6	36,7	26,7	8,0
4. Kỹ năng làm việc nhóm - Sử dụng các công cụ cộng tác trực tuyến (Google Drive, Docs, Sheets, Trello, Miro...) để phân công, quản lý và theo dõi tiến độ nhóm. - Hợp nhóm trực tuyến qua Zoom, Teams, Meet để phối hợp thực hiện nhiệm vụ chung.	35,2	40,0	18,6	6,2
5. Kỹ năng tư duy phân biện - Tìm kiếm thông tin trên Internet và đánh giá độ tin cậy của nguồn dữ liệu. - Sử dụng AI hoặc các diễn đàn học thuật (ChatGPT, Quora, ResearchGate...) để đặt câu hỏi, so sánh quan điểm và phát triển tư duy phân biện.	22,9	34,3	30,5	12,3
6. Kỹ năng giải quyết vấn đề - Tham gia trò chơi mô phỏng, tình huống thực tế hoặc phần mềm học tập trực tuyến giúp luyện kỹ năng ra quyết định (Kahoot, Socrative, ClassDojo...). - Sử dụng công cụ trực tuyến để phân tích nguyên nhân – hậu quả và tìm phương án tối ưu (Mindmap, Miro...).	24,3	39,0	27,1	9,6
7. Kỹ năng thuyết phục - Thiết kế bài nói hoặc video truyền thông trên các nền tảng số (Canva, TikTok, YouTube, Facebook...). - Thực hành lập luận, phản hồi và tranh biện qua các diễn đàn trực tuyến, nhóm học tập.	19,5	36,2	36,2	11,4
8. Kỹ năng quản lý cảm xúc - Sử dụng ứng dụng quản lý cảm xúc, sức khỏe tinh thần (Moodflow, Calm, Headspace...). - Tham gia các khóa học KNM trực tuyến về kiểm soát cảm xúc, cân bằng tâm lý.	20,0	28,6	36,7	14,7
9. Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin - Sử dụng công cụ tìm kiếm (Google Scholar, ResearchGate, AI Search, Wikipedia...) để thu thập dữ liệu học thuật. - Ứng dụng phần mềm xử lý dữ liệu, tổng hợp thông tin (Excel, Zotero, ChatGPT, Grammarly...).	45,2	39,5	12,4	2,9
10. Kỹ năng tổ chức hoạt động - Ứng dụng công cụ lập kế hoạch và quản lý sự kiện trực tuyến (Trello, Notion, Google Calendar, Eventbrite...). - Thiết kế tài liệu, ấn phẩm truyền thông cho hoạt động bằng công cụ số (Canva, Poster-MyWall, PowerPoint).	26,7	40,5	24,8	8,0

Nguồn: Tác giả xử lý số liệu thống kê

Phân tích kết quả khảo sát cho thấy rằng: Mức độ sử dụng công nghệ số của SV nhìn chung ở mức khá cao. Đa số các kỹ năng mềm đều có tỷ lệ SV sử dụng công nghệ số “thường xuyên” và rất “thường xuyên trên” 60%. SV sử dụng đa dạng công cụ công nghệ số trong quá trình học tập và phát triển kỹ năng mềm. Các nền tảng như LMS, MS Teams, Notion, Mindmap, Canva và ChatGPT không chỉ hỗ trợ hoạt động học tập mà còn giúp SV rèn luyện tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề.

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ số chưa đồng đều giữa các nhóm kỹ năng, nhất là ở các kỹ năng cảm xúc – xã hội như quản lý cảm xúc, thuyết phục và tư duy phân biện. Vì vậy, các cơ sở đào tạo sư phạm cần tăng cường hướng dẫn, xây dựng học phần, mô đun và hoạt động trải nghiệm có tích hợp công nghệ số nhằm phát triển toàn diện kỹ năng mềm cho SV, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay

2.3.3. Mức độ phát triển kỹ năng mềm của sinh viên thông qua công nghệ số

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ phát triển các kỹ năng mềm thông qua việc ứng dụng công nghệ số có sự phân hóa giữa các nhóm kỹ năng. Nhìn chung, phần lớn các kỹ năng được đánh giá ở mức “Khá” và “Tốt”, phản ánh sự tác động tích cực của môi trường học tập số đối với năng lực toàn diện của SV sư phạm.

Bảng 2: Mức độ phát triển kỹ năng mềm của sinh viên thông qua công nghệ số

TT	Kỹ năng mềm	Mức độ			
		Tốt %	Khá %	Trung bình %	Yếu %

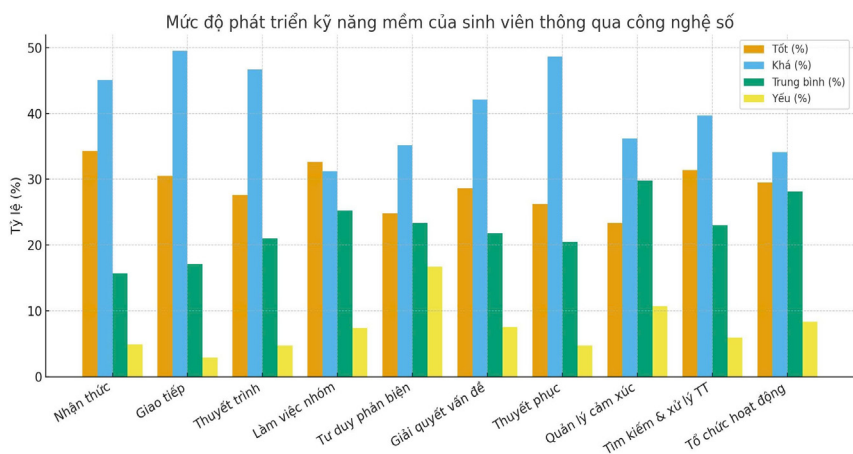
1	Kỹ năng nhận thức	34,3	45,1	15,7	4,9
2	Kỹ năng giao tiếp	30,5	49,5	17,1	2,9
3	Kỹ năng thuyết trình	27,6	46,7	21,0	4,7
4	Kỹ năng làm việc nhóm	32,6	31,2	25,2	7,4
5	Kỹ năng tư duy phản biện	24,8	35,2	23,3	16,7
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	28,6	42,1	21,8	7,5
7	Kỹ năng thuyết phục	26,2	48,6	20,5	4,7
8	Kỹ năng quản lý cảm xúc	23,3	36,2	29,8	10,7
9	Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin	31,4	39,7	23,0	5,9
10	Kỹ năng tổ chức hoạt động	29,5	34,1	28,1	8,3

Nguồn: Tác giả xử lý số liệu thống kê

Các kỹ năng có tỷ lệ “Tốt” và “Khá” chiếm ưu thế trên 70% gồm: kỹ năng nhận thức (34,3% tốt; 45,1% khá), kỹ năng giao tiếp (30,5% tốt; 49,5% khá), kỹ năng thuyết phục (26,2% tốt; 48,6% khá), kỹ năng giải quyết vấn đề (28,6% tốt; 42,1% khá). Điều này cho thấy SV sư phạm đã biết ứng dụng các nền tảng công nghệ số (như học liệu điện tử, hệ thống LMS, ứng dụng chat – video call, công cụ hợp tác trực tuyến) để phát triển năng lực nhận thức, giao tiếp và xử lý tình huống trong học tập. Đặc biệt, các hoạt động học trực tuyến, trình bày sản phẩm học tập qua video, hay tham gia diễn đàn học tập đã giúp SV tự tin hơn trong giao tiếp và lập luận thuyết phục.

Tuy nhiên, các kỹ năng có tỷ lệ “Trung bình” và “Yếu” vẫn đang ở mức cao như: kỹ năng tư duy phản biện (23,3% trung bình; 16,7% yếu), kỹ năng quản lý cảm xúc (29,8% trung bình; 10,7% yếu), kỹ năng làm việc nhóm có 7,4% “Yếu”. Thể hiện cụ thể ở biểu đồ 1.

Biểu đồ 1: Mức độ phát triển kỹ năng mềm của sinh viên thông qua công nghệ số



Nguồn: Tác giả xử lý số liệu thống kê

Như vậy, công nghệ số đã mở ra cơ hội lớn trong việc nâng cao kỹ năng mềm cho SV sư phạm, đặc biệt là ở những năng lực liên quan đến tư duy nhận thức, giao tiếp và xử lý thông tin. Tuy nhiên, các kỹ năng mang tính xã hội – cảm xúc và phản biện vẫn là điểm yếu, cần được hỗ trợ bằng các hình thức tương tác thực hành, mô phỏng sư phạm, dự án trải nghiệm và huấn luyện qua tình huống để phát huy hiệu quả toàn diện.

2.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên

Việc ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho SV sư phạm chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm yếu tố chủ quan (từ phía người học và GV) và khách quan (từ môi trường đào tạo và điều kiện cơ sở vật chất).

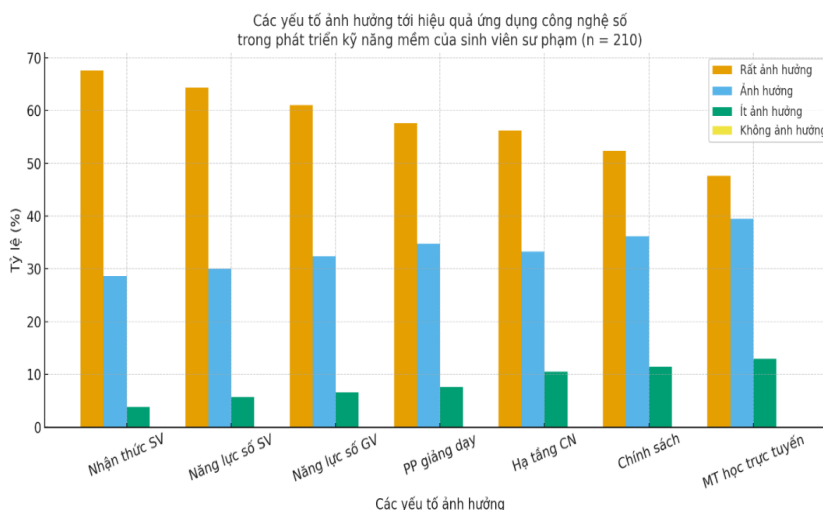
Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV sư phạm đánh giá các yếu tố có mức độ ảnh hưởng cao tới hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm. Cụ thể:

Yếu tố “Nhận thức và thái độ của SV” được đánh giá “rất ảnh hưởng” cao nhất (67,6%), cho thấy sự chủ động và hứng thú học tập của SV là yếu tố then chốt quyết định mức độ hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ số.

Năng lực số của SV (64,3%) và năng lực sư phạm số của GV (61,0%) cũng là hai yếu tố có tác động mạnh, phản ánh mối quan hệ tương hỗ giữa năng lực người dạy và người học trong môi trường số. Hạ tầng và chính sách nhà trường được hơn một nửa SV đánh giá có ảnh hưởng ở mức cao (trên 50%), chứng tỏ yếu tố điều kiện và sự hỗ trợ quản lý vẫn đóng vai trò quan trọng.

Môi trường học tập trực tuyến tuy có tỷ lệ “rất ảnh hưởng” thấp hơn (47,6%) nhưng phần lớn (gần 87%) SV vẫn cho rằng đây là yếu tố ảnh hưởng rõ rệt đến quá trình phát triển kỹ năng mềm qua công nghệ số. Kết quả thể hiện cụ thể ở biểu đồ 2.

Biểu đồ 2: Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên



Nguồn: Tác giả xử lý số liệu thống kê

Như vậy, hiệu quả ứng dụng công nghệ số phụ thuộc vào sự đồng bộ giữa năng lực, nhận thức của người học, năng lực số của giảng viên, phương pháp dạy học và điều kiện cơ sở vật chất nhà trường.

2.4. Một số giải pháp ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên sư phạm, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

2.4.1. Tăng cường cơ sở vật chất và môi trường học tập số

Nhà trường cần đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, mạng nội bộ và các nền tảng học tập trực tuyến (LMS, MS Teams, Zoom, Google Classroom...). Đồng thời, xây dựng các không gian học tập ảo (virtual classroom) và hệ thống e-portfolio để SV có thể tự đánh giá, phản hồi và lưu trữ quá trình rèn luyện kỹ năng mềm. Môi trường học tập số mở sẽ tạo cơ hội cho SV rèn luyện kỹ năng tự học, tư duy phản biện, giao tiếp và hợp tác trong môi trường trực tuyến.

2.4.2. Tích hợp phát triển kỹ năng mềm trong các học phần qua công nghệ số

Các GV cần thiết kế học phần theo hướng kết hợp giữa nội dung chuyên môn và yêu cầu kỹ năng mềm, sử dụng công nghệ số làm phương tiện hỗ trợ. Ví dụ: tổ chức micro-teaching trực tuyến, bài tập dự án (project-based learning) trên nền tảng số để rèn kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Việc sử dụng các công cụ số như Padlet, Miro, Kahoot, Mentimeter, Canva giúp SV tương tác, phản biện và sáng tạo hiệu quả hơn.

2.4.3. Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực mềm qua dữ liệu số

Nhà trường nên phát triển hồ sơ năng lực điện tử (digital competency profile) cho mỗi SV, tích hợp dữ liệu từ quá trình học tập, phản hồi của GV, sản phẩm số và hoạt động trải nghiệm. Công nghệ phân tích dữ liệu học tập (Learning Analytics) có thể hỗ trợ theo dõi tiến bộ, phát hiện hạn chế và cá nhân hóa kế hoạch phát triển kỹ năng mềm cho từng SV.

2.4.4. Tổ chức hoạt động ngoại khóa và mô phỏng nghề nghiệp trên nền tảng số

Tăng cường tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, hội thảo, workshop trực tuyến về kỹ năng giao tiếp, quản lý cảm xúc, tư duy phản biện cần được triển khai thường xuyên. Nhà trường có thể ứng dụng công nghệ mô phỏng (simulation), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để tạo tình huống sự phạm ảo, giúp SV luyện tập phản ứng, thuyết phục, và giải quyết vấn đề trong môi trường giả lập sát thực tế.

2.4.5. Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và xây dựng văn hóa số trong nhà trường

GV cần được tập huấn về phương pháp dạy học tích hợp công nghệ số, năng lực số sư phạm (digital pedagogy) và kỹ năng hướng dẫn SV phát triển năng lực mềm qua các hoạt động trực tuyến. Song song, nhà trường cần xây dựng văn hóa số – đề cao sự chủ động, hợp tác, sáng tạo, và đạo đức trong sử dụng công nghệ – để SV vừa rèn luyện kỹ năng mềm, vừa phát triển phẩm chất nghề nghiệp.

3. Kết luận

Ứng dụng công nghệ số trong phát triển kỹ năng mềm cho SV sư phạm không chỉ là xu thế tất yếu của quá trình chuyển đổi số giáo dục, mà còn là giải pháp chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực sư phạm trong bối cảnh mới. Kết quả khảo sát cho thấy các kỹ năng như giao tiếp, nhận thức, và thuyết trình của SV đạt mức khá cao, song những kỹ năng tư duy phản biện, quản lý cảm xúc và tổ chức hoạt động vẫn còn hạn chế. Điều này phản ánh thực trạng việc ứng dụng công nghệ số tại nhà trường mới chủ yếu dừng ở mức hỗ trợ học tập, chưa được khai thác tối đa để phát triển năng lực mềm toàn diện. Để khắc phục hạn chế đó, việc ứng dụng công nghệ số cần được định hướng theo mô hình phát triển năng lực tổng thể, trong đó công nghệ đóng vai trò công cụ – môi trường – và chất xúc tác cho quá trình hình thành kỹ năng mềm của SV sư phạm. Việc bồi dưỡng năng lực số sư phạm cho GV, hình thành thái độ chủ động, sáng tạo và đạo đức số cho SV là điều kiện tiên quyết để các giải pháp công nghệ thực sự mang lại hiệu quả bền vững góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Chương trình chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030*.
- [2] Huỳnh Văn Sơn (2012). *Kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Lê Thị Thúy Nhi, Nguyễn Viết Xuân Sang, Đỗ Thị Ý Nhi (2021). *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng mềm của sinh viên: Nghiên cứu tại tỉnh Bình Dương*. Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một, số 6 (55), tr. 29-41.
- [4] Nancy J. Patrick (2008). *Social skills for teenagers and adults with asperger syndrome*. http://www.r-5.org/files/books/ethology/corporate/behaviour/Nancy_Patrick-Social_Skills_A_Practical_Guide-EN.pdf.
- [5] Nguyễn Kim Cương (2018). *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương IV trong hội nhập Quốc tế*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 8, tr. 130-133.
- [6] Quốc hội (2025). *Luật Công nghiệp công nghệ số*. Luật số 71/2025/QH15, ngày 14/6/2025.
- [7] Trần Quốc Thành (2021). *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [8] UNESCO (2022). *ICT Competency Framework for Teachers*. <https://www.unesco.org/en/digital-competencies-skills/ict-cft>.